TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT
Ngày: 19-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán: ông Hoàng Ngọc Linh

ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Vũ Hồng Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2020/TLPT-KDTM, ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT, ngày 29 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐ-PT, ngày 24/7/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/QĐ-PT, ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần KL;

Địa chỉ: số 0, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp là bà Trần Tuấn A, chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần KL đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai Quốc B, chức vụ Phó phụ trách phòng Khách hàng cá nhân, khách hàng doanh ngiệp tại Ngân hàng thương mại cổ phần KL - Chi nhánh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020);

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng thương mại cổ phần KL chi nhánh An Giang: số 0, đường L, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

+ Ông Trương Chí H, sinh năm 1953;

Cư trú: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà Ngô Thị N, sinh năm 1953;

Cư trú: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1948;

Cư trú: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang;

3.2. Ông Huỳnh Phước Hải E;

Cư trú: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang;

3.3. Ông Lê Thanh Th;

Cư trú: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

3.4. Bà Võ Thị Kim N;

Cư trú: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

3.5. Ông Lê Văn Hi, bà Phạm Thị Đ;

Cư trú: ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang;

3.6. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; người đại diện hợp pháp là ông Trần Văn H, chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền.

4. Người kháng cáo: ông Trương Chí H là bị đơn.

Tại phiên tòa, có mặt các ông: Mai Quốc B, Trương Chí H; vắng mặt các ông, bà: Ngô Thị N, Ngô Thị M, Huỳnh Phước Hải E; Lê Thanh Th; Võ Thị Kim N, Lê Văn Hi, bà Phạm Thị Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần KL trình bày:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL (Viết tắt là Ngân hàng) trình bày: Ông Trương Chí H cùng vợ là bà Ngô Thị N có đến Ngân hàng thương mại cổ phần KL - Chi nhánh An Giang vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 435/2015/HĐHM/1200-2564 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 435.1/2015/HĐTD/1200-2564 ngày 26/6/2015 về việc Ngân hàng cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn xay xát và mua bán lúa gạo; thời hạn vay 12 tháng; ngày giải ngân 26/6/2015, ngày đến hạn 26/6/2016; lãi suất vay 10,78%/năm, được thay đổi 03 tháng/lần và được tính bằng

lãi tiết kiệm VNĐ, kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng biên độ 3,96%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại ngân hàng (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày; hình thức thanh toán trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Hợp đồng hạn mức tín dụng và Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 435/2015/HĐTCBĐS/1200-2564 ngày 26/6/2015 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Trương Chí H cùng vợ là bà Ngô Thị N và đã được đăng ký thế chấp. Các tài sản thế chấp cụ thể như sau:

1) Quyền sử dụng đất thổ cư (diện tích đất 600m^2), đất Lnk (diện tích 2.476,3m^2), tổng diện tích 3.076,3m2, thuộc thửa số 141, tờ bản đồ số 06, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05912/hB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/01/2004. Đất tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh An Giang;

2) Quyền sử dụng đất thổ cư (diện tích 180,3m^2), đất T (HLSR) (diện tích 49,5m^2), thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 07, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03265/kB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/6/2001. Đất tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh An Giang;

3) Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn (diện tích 163,5m^2), thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 23, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0704kB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/12/2006. Đất tọa lạc ấp Long Mỹ 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang;

4) Quyền sử dụng đất thổ cư (diện tích 600m^2), đất Lnk (diện tích 632,9m^2) tổng diện tích 1.232,9m^2, thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 23, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02820QSDĐ/kB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/10/2001 và tài sản gắn liền với đất là Nhà kho loại 6, khung BTCT + gỗ tạp, vách gạch + tole, nền đất, mái tole (diện tích xây dựng = diện tích sàn: 292,56m^2), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 898933067900104 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/9/2006. Đất và nhà tọa lạc ấp Long Mỹ 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang;

5) Quyền sử dụng đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (diện tích 321,2m^2), thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 23, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0597kB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/9/2006 và tài sản gắn liền với đất là Nhà máy xay lúa loại 6, khung gỗ, vách gỗ + tole, nền dal, mái tole (diện tích xây dựng = diện tích sàn: 321,2m^2), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 898933067900115 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/3/2007. Đất và nhà tọa lạc ấp Long Mỹ 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang;

6) Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn (diện tích 209m^2), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 27, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01314kB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/5/2009. Đất tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh An Giang;

7) Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm (diện tích đất 2.283,2m^2), thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 27, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00596kB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/5/2009. Đất tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh An Giang;

8) Quyền sử dụng đất chuyên trồng lúa nước (diện tích 3.940m^2), thuộc thửa số 74, 75, 78 tờ bản đồ số 72, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04885 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/6/2011. Đất tọa lạc ấp Long Mỹ 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

9) Quyền sử dụng đất 2L (diện tích 4.974m^2), ĐM (diện tích 2.875m^2), đất NĐ (diện tích 48m^2) tổng diện tích 7.879m^2) thuộc thửa số 319, 320, 321, 322, 183, 184, 185, 186; tờ bản đồ số 11, 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00575/hB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/02/1994. Đất tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Quá trình vay vốn, ông H và Bà N trả lãi đến ngày 25/01/2016 được 126.414.831đồng. Nợ gốc chưa trả.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N trả số tiền vốn 2.000.000.000đồng; tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 15/01/2016 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ và yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 435/2015/HĐTC-BĐS/1200-2564 ngày 26/6/2015 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Ông Trương Chí H trình bày: Đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, do không có tiền trả, nên đã giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng bán để thu hồi nợ; nếu ngân hàng bỏ hết lãi thì con của ông sẽ cho tiền ông để trả trong thời gian ngắn nhất; đối với tài sản đang thế chấp cho ngân hàng mà Cơ quan thi hành án kê biên thi hành cho bản án khác thì ông không đồng ý.

* Ông Trần Văn H là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang kê biên tài sản của ông H là để thi hành bản án cho ông Lê Văn Hi, bà Phạm Thị Đ. Qua xác minh, biết được tài sản của ông H, bà N đang thế chấp có giá trị trên năm tỷ đồng, căn cứ theo quy định tại Điều 90 Luật Thi hành án dân sự, Chấp hành viên đã kê biên. Khi kê biên thì mới biết được căn nhà ông H là hưởng thừa kế. Sau đó, ông Lê Văn Hi, bà Phạm Thị Đ đã rút đơn.

* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, đã xử:

"Căn cứ: Các Điều 30, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 297 Luật thương mại; Các án lệ: Số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.*

1) Buộc Ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền vốn gốc còn nợ là 2.000.000.000đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng), lãi suất theo hợp đồng tính đến ngày xét xử là 1.414.066.963 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng);

2) Kể từ ngày 25/3/2020 Ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính dụng số 435/2015/HĐHM/1200-2564 và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 435.1/2015/HĐTD/1200-2564 ngày 26/6/2015;

3) Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 435/2015/HĐTCBĐS/1200-2564 ngày 26/6/2015 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Trương Chí H cùng vợ là bà Ngô Thị N để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần KL có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Dành cho *bà Ngô Thị M được* quyền ưu tiên nếu bà có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng) diện *tích đất 3.076,3m^2, trên đất có căn nhà; trường hợp bản án có hiệu lực thi hành mà Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế tài sản thế chấp là căn nhà thì bà My có quyền khởi kiện "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự".*

4) Về án phí:

Ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N được miễn án phí sơ thẩm;

Ngân hàng thương mại cổ phần KL không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 43.861.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0019931 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

5) Về chi phí:

Ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng);

Ngân hàng thương mại cổ phần KL tự nguyện chịu chi phí đo đạc 1.040.600đồng (Bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần KL đã nộp đủ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án....

- Ngày 08/4/2020 (Bút lục 257), ông Trương Chí H nộp Đơn kháng cáo yêu cầu: Ngân hàng chỉ tinh lãi của năm 2015. Việc Ngân hàng để 05 năm mới khởi kiện, kéo dài thời gian tính lãi gần bằng giá trị tài sản thế chấp gây thiệt hại cho gia đình ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm.

- Ông H trình bày và yêu cầu: ông quyết tâm làm ăn, nên mang hết tài sản của gia đình thế chấp vay tiền Ngân hàng để hoạt động nhà máy xay lúa, kinh doanh lúa gạo. Các hợp đồng trước ông đã thực hiện xong. Lần này là đáo nợ ký lại hợp đồng mới. Làm ăn thất bại, không tiền trả nợ, hiện tại hoàn cảnh của ông rất khó khăn, yêu cầu được xem xét điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật và và giảm cho ông 50% tiền lãi để các con của ông hỗ trợ tiền cho ông trả nợ.

- Đại diện Ngân hàng trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì lãi suất được thay đổi 03 tháng/lần, nên Ngân Hàng đã áp dụng mức lãi suất trong hạn cho ông H từ 10,78%/năm lên 10,96% năm, ông H cũng đã đóng lãi theo mức lãi suất này. Đối với ông H có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề xay xát và kinh doanh lúa gạo ở địa bàn nông thôn, nhưng đây là việc kinh doanh tạo lợi nhuận cho gia đình ông, không thuộc các lĩnh vực, ngành nghề phát triển nông thôn, nên không được áp dụng mức lãi suất vay theo Thông tư số 08/2013/TT-NHNN, ngày 25/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực ngành kinh tế (sau đây viết tắt Thông tư 08/2014/TT-NHNN). Việc Ngân hàng thỏa thuận với ông H mức lãi suất cho vay 10,78%/năm là căn cứ vào Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2001/QĐ-NHNN, ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên Ngân hàng không đồng ý việc điều chỉnh lãi suất, không đồng giảm 50% tiền lãi theo yêu cầu của ông H.

Do hoàn cảnh gia đình ông H có khó khăn trong việc trả nợ, Ngân hàng đồng ý bỏ việc phạt chậm trả lãi với mức lãi phạt 0.05%/ngày được nêu trong Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 19/8/2020 là 76.173.000đồng. Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý giảm cho ông H 100.000.000đ tiền lãi.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: ông H vay vốn để xay xát, kinh doanh lúa gạo không thuộc các ngành nghề cho vay theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây viết tắt Nghị định số 41/2010/NĐ-CP), mặt khác, nguồn vốn Ngân hàng cho ông H vay là nguồn vốn do huy động không phải do Nhà nước hỗ trợ, nên không áp dụng lãi suất theo Thông tư 08/2014/TT-NHNN. Mức lãi suất nêu trong Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng và ông H tự nguyện thỏa thuận. Đề nghị

Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt HĐXX) công nhận lãi suất trong Hợp đồng tín dụng

Tại phiên tòa Ngân hàng tự nguyện giảm 100.000.000đ tiền lãi và không tính việc phạt chậm trả lãi của Ngân hàng đối với ông H số tiền 76.173.000đ, đề nghị HĐXX công nhận ý kiến của Ngân hàng để sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX xét thấy,

[2]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa, các ông, bà: Ngô Thị N, Ngô Thị M, Huỳnh Phước Hải E; Lê Thanh Th, Võ Thị Kim N, Lê Văn Hi, bà Phạm Thị Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không lý do; HĐXX xét thấy các đương sự này không phải là người kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do, nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 24/3/2020 có mặt ông H, đến ngày 08/4/2020, ông H kháng cáo. Thông báo về việc kháng cáo số 15/TB-TA, ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C (Bút lục số 263) nêu ngày 23/4/2020, Tòa án nhân dân huyện C nhận được Đơn kháng cáo của ông H là chưa chính xác. Vì ông H nộp Đơn kháng cáo ngày 08/4/2020, sau đó Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu ông H sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo, nên ông H nộp Đơn kháng cáo lần sau là ngày 23/4/2020. Như vậy, thời gian kháng cáo của ông H được tính kể từ khi nộp Đơn kháng cáo lần đầu ngày 08/4/2020 là trong thời gian luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4]. Về nội dung kháng cáo: ông H kháng cáo yêu cầu chỉ tính lãi của năm đầu tiên là năm 2015 và tại phiên tòa ông yêu cầu điều chỉnh lãi suất, giảm 50% tiền lãi để ông có điều kiện trả nợ. HĐXX xét thấy: giữa Ngân hàng và ông Trương Chí H cùng vợ là bà Ngô Thị N ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 435/2015/HĐHM/1200-2564 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 435.1/2015/HĐTD/1200-2564, cùng ngày 26/6/2015 về việc Ngân hàng cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn xay xát và mua bán lúa gạo; thời hạn vay 12 tháng; ngày giải ngân 26/6/2015, ngày đến hạn 26/6/2016; lãi suất vay 10,78%/năm, được thay đổi 03 tháng/lần và được tính bằng lãi tiết kiệm VNĐ, kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng biên độ 3,96%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày; hình thức thanh toán trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

[5]. Do ông H và bà N chỉ trả lãi đến ngày 25/01/2016 thì ngưng, cho đến nay không trả lãi cũng không trả vốn, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà Ntrả vốn và lãi vay.

[6]. Hợp đồng được ký kết ngày 26/6/2015, nên được áp dụng pháp luật về nội dung có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng để giải quyết.

[7]. Ông H kháng cáo về tiền lãi, nên HĐXX chỉ xem xét về tiền lãi, lãi suất.

[8]. Đối với Ngân hàng là tổ chức tín dụng được phép cho vay và lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 như sau: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*"

[9]. Như vậy, theo quy định tại khoản 2, Điều 91 của của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 thì Ngân hàng với khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất nhưng phải theo quy định của pháp luật.

[10]. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 435.1/2015/HĐTD/1200-2564, ngày 26/6/2015 được ký kết tại thời điểm Thông tư số 08/2013/TTNHNN có hiệu lực.

[11]. Tại Điều 1 của Thông tư số 08/2014/TT-NHNN quy định:

"Điều 1. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng) áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam không vượt quá mức lãi suất tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.

2. Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam được áp dụng lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này là các khoản cho vay nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn:

a) Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

b)…..".

[12]. Tại Điều 1 của Quyết định số 2174/QĐ-NHNN, ngày 28/10/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư 08/2014/TT-NHNN, ngày 17/3/2014 (sau đây viết tắt Quyết định số 2174/QĐ-NHNN) như sau:

" Điều 1. *Mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 3 năm 2014 như sau:*

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ Tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm.

2. Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 8%/năm".

[13]. Ngân hàng là tổ chức tín dụng, nên được áp dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 2174/QĐ-NHNN, mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm.

[14]. Đối chiếu trong trường hợp này, ông H, bà Ncó Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 521806907, đăng ký lần đầu ngày 30/5/2014, ngành nghề kinh doanh: xay xát gia công, mua bán lúa gạo, phụ phẩm xay xát. Địa điểm kinh doanh ấp Long Mỹ, xã G, huyện C, tỉnh An Giang. Trong Hợp đồng tín dụng, ông H, bà Nvay vốn là để bổ sung vốn xay xát và kinh doanh lúa gạo. Như vậy, trường hợp của ông H, bà N thuộc đối tượng hộ kinh doanh tại địa bàn nông thôn được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 41/2010/NĐ-CP. Việc ông H, bà N kinh doanh lúa gạo là tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại khoản 4, Điều 4 của Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, nên thuộc đối tượng cho vay theo Thông tư 08/2014/TT-NHNN và Quyết định số 2174/QĐ-NHNN với lãi suất tối đa 7%/năm.

[15]. Việc Ngân hàng thỏa thuận với ông H lãi suất 10,78%/năm là vượt quá mức quy định tại Thông tư 08/2014/TT-NHNN và Quyết định số 2174/QĐ-NHNN, mức lãi suất thỏa thuận vượt cao hơn quy định của pháp luật không có hiệu lực, tiền lãi đã trả vượt cao hơn được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi theo hướng dẫn tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[16]. Kiểm sát viên cho rằng nguồn vốn Ngân hàng cho ông H vay là nguồn vốn huy động và ông H vay tiền Ngân hàng là để trả các khoản nợ khác, nên không thuộc đối tượng của Nghị định số 41/2010/NĐ-CP để công nhận mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[17]. HĐXX xét thấy tại điểm a, khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 41/2010/NĐ-CP quy định: *"1. Nguồn vốn cho vay của các tổ chức tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bao gồm: "Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng và các tổ chức cho vay khác"*

[18]. Tại khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 41/2010/NĐ-CP quy định:

"Các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay các đối tượng chính sách, các chương trình kinh tế của Chính phủ ở nông thôn, được Chính phủ bảo đảm nguồn vốn cho vay từ ngân sách chuyển sang hoặc cấp bù chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng."

[19]. Do đó, việc Ngân hàng cho ông H vay bằng nguồn vốn huy động vẫn thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 41/2010/NĐ-CP và Thông tư 08/2014/TT-NHNN;

[20]. Sau khi vay tiền, việc sử dụng vốn vay của ông H, bà Nđược Ngân hàng kiểm tra thể hiện bằng biên bản xác định ông H sử dụng vốn vay đúng mục đích.

[21]. Do đó, các lý do Kiểm sát viên nêu ra để đề nghị công nhận lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[22]. Đối với Ngân hàng cho ông H, bà Nvay với mức lãi suất 10,78%/năm, sau đó lại tăng lãi suất 10,96%/năm, nhưng không chứng minh được các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm áp dụng lãi suất để tính lãi, nên không có có sở để chấp nhận, cần điều chỉnh lại lãi suất cho vay trong hạn là 7%/năm; đối với lãi suất quá hạn bằng 150 % là 10,5%/năm.

[23]. Tiền lãi được tính như sau:

[24]. - Lãi trong hạn: 7%/năm

[25]. + Tiền lãi phải trả từ ngày 26/6/2015 đến 25/01/2016: 213 ngày: 2.000.000.000đồng x 7% : 365 x 213 ngày = 81.698.630đồng

[26]. + Tiền lãi đã trả 126.414.831 đồng trừ lãi phải trả 81.698.630đồng, thừa 44.716.201đồng.

[27]. + Tiền lãi trả thừa trừ vào vốn tại thời điểm trả lãi sau cùng là ngày 25/01/2016: 2.000.000.000đồng - 44.716.201đồng = 1.955.283.799đồng.

[28]. Đến ngày 25/01/2016, sau khi trừ tiền lãi trả thừa, vốn gốc còn 1.955.283.799đồng.

[29]. + Tính lãi trong hạn từ ngày 26/01/2016 – 26/6/2016:152 ngày: 1.955.283.799đồng x 7%: 365 x 152 ngày = 56.997.862đồng

[30]. - Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là 10,5%,năm: Từ ngày 27/6/2016 đến 19/8/2020 là 1.514 ngày

[31]. 1.955.283.799 x 10,5%: 365 x 1.514 ngày = 851.593.056đồng.

[32]. - Cộng lãi: 56.997.862đồng + 851.593.056đồng = 908.590.918đồng.

[33]. Như vậy, sau khi điều chỉnh lãi suất và khấu trừ lãi đã trả, đến ngày xét xử phúc thẩm 19/8/2020, ông H, bà Ncòn nợ Ngân hàng tổng số tiền 2.863.875.000 đồng trong đó: vốn gốc 1.955.284.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 908.591.000 đồng (làm tròn số).

[34]. Đối với việc tính lãi phạt do chậm thực hiện đóng lãi với mức lãi suất 0,05%/ ngày được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. HĐXX xét thấy, tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, pháp luật không quy định việc tính lãi phạt do chậm trả lãi, nên thỏa thuận này giữa Ngân hàng và ông H, bà Nkhông có hiệu lực tai thời điểm ký kết. Bản án sơ thẩm căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao thông qua ngày 17/10/2016 để chấp nhận lãi phạt

do chậm trả lãi là không chính xác vì nội dung của Án lệ số 08/2016/AL không đề cập đến việc phạt do chậm trả lãi.

[35]. Tuy nhiên, ông H chưa thực hiện phạt chậm trả lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng rút lại yêu cầu phạt chậm trả lãi. Việc rút lại yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với nhận định nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[36]. Việc ông H kháng cáo xin xóa lãi từ năm 2016 đến nay hoặc giảm 50% tiền lãi sau khi điều chỉnh lãi suất không được Ngân hàng đồng ý, Ngân hàng chỉ đồng ý giảm 100.000.000đ tiền lãi cho ông H khi thực hiện đúng lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H xin giảm lãi.

[37]. Đối với Bản án sơ thẩm, căn cứ vào mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng mà không đối chiếu các quy định của pháp luật về lãi suất đối với các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng để xem xét về lãi là có thiếu sót; trong phần "Quyết định" của Bản án sơ thẩm căn cứ Điều 297 của Luật Thương mại đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là không chính xác về đối tượng và phạm vi áp dụng, cần sửa án sơ thẩm.

[38]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực thi hành.

[39]. Về chi phí tố tụng: các đương sự không kháng cáo, nên thực hiện theo Bản án sơ thẩm.

[40]. - Về án phí:

[41]. + Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận một phần, nên Ngân hàng phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của phần yêu cầu không được chấp nhận (Ngân hàng yêu cầu đến ngày 19/8/2020, ông H bà Nphải trả 3.556.382.000đồng, tại phiên tòa Ngân hàng đồng ý giảm 176.173.000 đồng, còn lại 3.380.209.000đồng, được HĐXX chấp nhận 2.863.875.000đồng, số tiền không được chấp nhận là 516.334.000 đồng) với số tiền là 24.653.000 đồng (làm tròn số) .

[42]. + Ông H, bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên ông bà được miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy đinh tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[43]. + Ông H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[44]. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***** Áp dụng: khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Phúc xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trương Chí H;

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL đối với ông Trương Chí H và bà Ngô Thị N .

2. Buộc ông Trương Chí H và bà Ngô Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 2.863.875.000đồng (hai tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng trong đó: vốn gốc 1.955.284.000đồng (một tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn) đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 908.591.000 (chín trăm lẻ tám triệu, năm trăm chín mươi một ngàn) đồng.

3. Kể từ ngày 20/8/2020 ông Trương Chí H và bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn là 10,5%/năm trên vốn gốc còn nợ;

4. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 435/2015/HĐTCBĐS/1200-2564 ngày 26/6/2015 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần KL với ông Trương Chí H cùng vợ là bà Ngô Thị N để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần KL có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. *Dành cho* bà Ngô Thị M được *quyền ưu tiên nếu bà có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng) diện* tích đất 3.076,3m^2, trên đất có căn nhà; trường hợp Bản án có hiệu lực thi hành mà Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế tài sản thế chấp là căn nhà thì bà My có quyền khởi kiện "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự".

5. Về án phí:

- Ông Trương Chí H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

- Ngân hàng thương mại cổ phần KL phải chịu án phí kinh doanh thương mai sơ thẩm 24.653.000đồng (hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi ba ngàn) đồng được khấu trừ từ 43.861.000đồng (bốn mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0019931, ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, Ngân hàng được nhận lại 19.208.000đồng (mười chín triệu, hai trăm lẻ tám ngàn) đồng.

6. Về chi phí tố tụng:

- Ông Trương Chí H, bà Ngô Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (hai triệu đồng);

- Ngân hàng thương mại cổ phần KL tự nguyện chịu chi phí đo đạc 1.040.600đồng (một triệu, không trăm bốn mươi ngàn, sáu trăm đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần KL đã nộp đủ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền lãi 908.591.000 đồng nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa KT, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Nguyễn